

Số: 16 /BC-UBND

Đồ Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc kết quả thực hiện xây dựng đường giao thông trên địa bàn quận Đồ Sơn năm 2018

Thực hiện Công văn số 2963/SNN-PTNT ngày 25/12/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng về việc thực hiện Chương trình hỗ trợ xi măng xây dựng đường giao thông nông thôn năm 2018. Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo

Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hỗ trợ xi măng làm đường thôn, xóm, khu dân cư, đường nội đồng, đường nội bộ nghĩa trang năm 2018 trên địa bàn thành phố (đợt 1): Quận Đồ Sơn được hỗ trợ xi măng làm đường khu dân cư, đường nội đồng năm 2018 (đợt 1) với khối lượng là: 1.249,67 tấn (tạm tính) để làm 10,35 km đường giao thông, cụ thể:

+ Đường nội đồng là: 5,78 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 704,16 tấn.

+ Đường khu dân cư là: 4,57 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 545,51 tấn.

- Ngày 25/5/2016, Ủy ban nhân dân quận đã ban hành Quyết định số 784/QĐ-UBND về việc hỗ trợ xi măng làm đường giao thông khu dân cư, đường nội đồng năm 2018 trên địa bàn quận Đồ Sơn (đợt 1) phân bổ cho các phường khối lượng cụ thể như sau:

+ Phường Bàng La: Đường nội đồng là 2,25 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 319,64 tấn; Đường khu dân cư là 1,65 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 172,88 tấn.

+ Phường Minh Đức: Đường nội đồng là 2 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 144,42 tấn; Đường khu dân cư là 1,1 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 97,28 tấn.

+ Phường Hợp Đức: Đường nội đồng là 1,53 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 240,1 tấn; Đường khu dân cư là 1,41 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 229,15 tấn.

+ Phường Ngọc Xuyên: Đường khu dân cư là 0,19 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 30,42 tấn.

+ Phường Ngọc Hải: Đường khu dân cư là 0,22 km; khối lượng xi măng hỗ trợ là 15,77 tấn.

- Ngày 06/6/2018, Ủy ban nhân dân quận đã ban hành Công văn số 957/UBND-KT về việc triển khai làm đường giao thông khu dân cư, đường giao thông nội đồng bằng nguồn hỗ trợ xi măng năm 2018 (đợt 1);

- Ngày 25/6/2018, Ủy ban nhân dân quận đã ban hành Quyết định số 1015/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá cước vận chuyển, đơn giá xi măng đến

chân công trình xây dựng đường giao thông khu dân cư và đường giao thông nội đồng trên địa bàn quận Đồ Sơn năm 2018.

- Ngày 16/7/2018, ban hành Công văn số 1217/UBND-KT về việc đẩy nhanh tiến độ làm đường giao thông bằng nguồn hỗ trợ xi măng trên địa bàn quận năm 2018.

- Ngày 02/8/2018, ban hành Công văn số 1317/UBND-KT về việc đơn đốc thực hiện làm đường giao thông bằng nguồn hỗ trợ xi măng trên địa bàn quận năm 2018.

- Ngày 26/9/2018, ban hành Công văn số 1639/UBND-KT về việc đơn đốc thực hiện làm đường giao thông bằng nguồn hỗ trợ xi măng trên địa bàn quận năm 2018 (lần 3).

- Ngày 11/10/2018, ban hành Tờ trình số 52/TTr-UBND về việc xin chủ trương hỗ trợ xi măng làm đường giao thông cho đơn vị quân đội đóng trên địa bàn quận.

- Ngày 19/10/2018, ban hành Quyết định số 1871/QĐ-UBND về việc điều chỉnh hỗ trợ xi măng xây dựng đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất và đường giao thông trong khu dân cư trên địa bàn quận Đồ Sơn năm 2018.

II. Kết quả triển khai

1. Ủy ban nhân dân quận đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn (Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị) kiểm tra, hướng dẫn, thẩm định và phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường trong việc tổ chức triển khai làm đường giao thông trên địa bàn.

Ban hành 12 Quyết định phê duyệt danh mục 97 tuyến đường đã đảm bảo điều kiện để triển khai thi công công trình trên địa bàn 5 phường, cụ thể:

- Phường Minh Đức: Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 15/6/2018; Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 và Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 phê duyệt 19 tuyến đường trong khu dân cư (chiều dài 1,542 km; xi măng hỗ trợ 178 tấn) và 22 tuyến đường nội đồng (chiều dài 2,616 km; xi măng hỗ trợ 278,96 tấn);

- Phường Bàng La: Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 19/6/2018; Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 phê duyệt 10 tuyến đường trong khu dân cư (chiều dài 1,014 km; xi măng hỗ trợ 189,35 tấn) và 07 tuyến đường nội đồng (chiều dài 0,784 km; xi măng hỗ trợ 71,52 tấn).

- Phường Ngọc Xuyên: Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 và Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 phê duyệt 06 tuyến đường trong khu dân cư (chiều dài 0,376 km; xi măng hỗ trợ 57,48 tấn).

- Phường Hợp Đức: Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 04/7/2018; Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 12/9/2018; Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 và Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 phê duyệt 14 tuyến đường trong khu dân cư (chiều dài 1,106 km; xi măng hỗ trợ 187,9 tấn) và 17 tuyến đường nội đồng (chiều dài 1,96 km; xi măng hỗ trợ 281,28 tấn).

- Phường Ngọc Hải: Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 phê duyệt 02 tuyến đường trong khu dân cư (chiều dài 0,044 km; xi măng hỗ trợ 3,58 tấn).

2. Kết quả tiếp nhận xi măng đến ngày 08/01/2019, quận Đồ Sơn đã tiếp nhận 1248,25 tấn xi măng đạt 99,89% kế hoạch đề thi công 95 tuyến đường (đã hoàn thành 93 tuyến) cụ thể: Minh Đức 457,85 tấn; Hợp Đức 469 tấn; Bàn La: 260,9 tấn; Ngọc Hải 3,55 tấn; Ngọc Xuyên: 57,3 tấn) (Có biểu tổng hợp kèm theo).

III. Khó khăn, đề xuất kiến nghị

1. Khó khăn

- Trong quá trình khảo sát các tuyến đường đề nghị thành phố hỗ trợ xi măng một số phường trên địa bàn lập kế hoạch còn chưa sát thực, việc tuyên truyền, huy động nhân dân đóng góp kinh phí còn hạn chế vì vậy một số tuyến đường đã đưa vào kế hoạch nhưng chưa thực hiện được.

- Việc hoàn thiện hồ sơ để tiếp nhận xi măng còn triển khai chậm, việc giám sát công trình của các phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường chưa thực sự được thường xuyên, liên tục do lực lượng cán bộ công chức quận, phường còn mỏng.

2. Đề xuất kiến nghị:

- Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục hỗ trợ xi măng cho địa phương để triển khai làm đường giao thông năm 2019 (có Biểu đề xuất kèm theo).

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng tiếp tục kiến nghị với Thành phố hỗ trợ thêm nguyên vật liệu (cát, đá) cho địa phương tiếp tục triển khai chương trình hỗ trợ xi măng.

Trên đây là báo cáo về việc triển khai thực hiện xây dựng đường giao thông trên địa bàn quận Đồ Sơn năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn./.

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT HP;
- CT, các PCT UBND quận;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỖ TỊCH



Hoàng Xuân Minh

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN ĐỒ SƠN NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số: 16 /UBND-KT ngày 10/01/2019 của UBND quận Đồ Sơn)

TT	Đơn vị	Lượng xi măng tiếp nhận (tấn)	Số tuyến thực hiện	Chiều dài thực hiện (km)	Cụ thể theo từng bề rộng mặt đường					
					1,5m	2,0m	2,5m	3m	3,5m	4m
1	Phường Ngọc Xuyên	57,3	06	0,376	0,085	0,080	0,050	0,021	0,140	
-	Đường giao thông trong khu dân cư	57,3	06	0,376	0,085	0,080	0,050	0,021	0,140	
2	Phường Ngọc Hải	3,55	02	0,044	0,026		0,018			
-	Đường giao thông trong khu dân cư	3,55	02	0,044	0,026		0,018			
3	Phường Bàng La	260,9	17	1,798	0,275	0,495	0,430	0,047	0,551	
-	Đường giao thông trong khu dân cư	189,35	10	1,014	0,130	0,119	0,167	0,047	0,551	
-	Đường giao thông nội đồng	71,52	07	0,784	0,145	0,376	0,263			
4	Phường Minh Đức	457,5	39	3,899	0,549	1,291	1,391	0,487	0,181	
-	Đường giao thông trong khu dân cư	178	19	1,542	0,101	0,613	0,461	0,337	0,030	
-	Đường giao thông nội đồng	279	20	2,357	0,448	0,678	0,930	0,150	0,151	
5	Phường Hợp Đức	469	31	3,067	0,125	0,508	1,162	0,781	0,331	0,160
-	Đường giao thông trong khu dân cư	187,9	14	1,106	0,040	0,155	0,285	0,331	0,225	0,070
-	Đường giao thông nội đồng	281,28	17	1,961	0,085	0,353	0,877	0,450	0,106	0,090
Tổng cộng		1248,25	95	9,184	1,060	2,374	3,051	1,336	1,203	0,160

BIỂU ĐỀ XUẤT
NHU CẦU THỰC HIỆN LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số: 16 /UBND-KT ngày 10/01/2019 của UBND quận Đồ Sơn)

T T	Loại đường	Chiều rộng mặt đường														Tổng	
		1,5 m		2 m		2.5 m		3 m		3,5 m		4,0m		4,5m			
		Chiều dài (m)	KLXM (tấn)	Chiều dài (m)	KLXM (tấn)	Chiều dài (m)	KLXM (tấn)	Chiều dài (m)	KLXM (tấn)	Chiều dài (m)	KLXM (tấn)	Chiều dài (m)	KLXM (tấn)	Chiều dài (m)	KLXM (tấn)	Chiều dài (m)	KLXM (tấn)
I	Đường giao thông nội đồng	1250	65.73	1691	142.26	1225	150.30	1990	362.18	440	115.07	190	63.10	0	0	6786	898.64
1	Phường Minh Đức	350	18.40	700	58.89	150	18.40	200	36.40							1400	132.10
2	Phường Hợp Đức	760	39.96	40	3.37	200	24.54	910	165.62	190	49.69					2100	283.17
3	Phường Bàng La	140	7.36	951	80.01	875	107.35	880	160.16	250	65.38	190	63.10			3286	483.36
II	Đường giao thông khu dân cư	405	21.29	1700	143.02	395	48	1267	213.19	250	65.38	1050	348.71	120	44.83	5187	884.88
1	Phường Minh Đức							128	21.54			420	139.48			548	161.02
2	Phường Hợp Đức			140	11.78	235	28.83	714	120.14	250	65.38					1339	226.13
3	Phường Ngọc Hải	95	5.00	80	6.73									120	44.83	295	56.56
4	Phường Bàng La	140	7.36	1480	124.51	160	19.63	425	71.51			300	99.63			2505	322.64
5	Phường Vạn Hương	170	8.94									330	109.59			500	118.53
Tổng cộng (I+II):		1655	87.02	3391	285.28	1620	198.76	3257	575.37	690	180.46	1240	411.80	120	44.83	11973	1783.52



**BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NĂM 2018**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kinh phí	Ghi chú
	Tổng cộng:	Triệu đồng	5.980,298	
1	Ngân sách thành phố	Triệu đồng	1.830,379	
2	Ngân sách quận	Triệu đồng	0.000	
3	Ngân sách phường	Triệu đồng	0.000	
4	Huy động đóng góp của người dân	Triệu đồng	3.969,919	
4.1	Tiền mặt	Triệu đồng	2.610,254	
4.2	Ngày công lao động	Ngày	0.000	
-	Quy đổi thành tiền	Triệu đồng	1.359,665	
4.3	Hiến đất các loại	m ²	0.000	
-	Đất thổ cư	m ²	0.000	
-	Đất sản xuất	m ²	0.000	
	Quy đổi thành tiền	Triệu đồng	0.000	
4.4	Khác (vật liệu kiến trúc...)	Triệu đồng	0.000	
5	Hỗ trợ của doanh nghiệp	Triệu đồng	160,000	
6	Hỗ trợ của các tổ chức chính trị xã hội	Triệu đồng	20,000	

T. PH. H. /